TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH C**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/HS-ST
Ngày: 05 – 6 – 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Bảo Hiền.

Bà Bùi Ngọc Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ân Tình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh C tham gia phiên tòa: Ông Thái Hoàng Chân – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST–HS ngày 06 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo:

- *Bị cáo thứ nhất*: Họ và tên: **Nguyễn Thanh T**, sinh ngày 02/7/2007, tên gọi khác: Không. Nơi sinh: huyện N, tỉnh C; nơi cư trú: Ấp D, xã T, huyện N, tỉnh C; nghề nghiệp: Làm vuông; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Đ; anh chị em ruột: 01 người, sinh năm 2006; tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/01/2024 đến ngày 29/01/2024, chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/01/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo T*: Bà Trần Thị Đ. Sinh năm: 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện N, tỉnh C.

- *Người bào chữa cho bị cáo T*: Ông Trần Hoàng U – Trợ giúp viên pháp lý (có mặt).

Địa chỉ: Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C.

- *Bị cáo thứ hai*: Họ và tên: **Nguyễn Như Y**, sinh ngày 13/4/2001, tên gọi khác: Không. Nơi sinh: huyện N, tỉnh C; nơi cư trú: Ấp D, xã T, huyện N, tỉnh C; nghề nghiệp: Làm vuông; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị T; anh chị em ruột: 08 người, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/01/2024 đến ngày 30/01/2024, chuyển tạm giam từ ngày 30/01/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- *Bị hại*: Ban Quản lý rừng phòng hộ Kiến Vàng.

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện N, tỉnh C.

- Đại diện theo uỷ quyền của Ban Quản lý rừng phòng hộ Kiến Vàng: Ông Nguyễn Trường D. Sinh năm: 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện N, tỉnh C.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Bà Trần Thị Đ. Sinh năm: 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện N, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 19/01/2024, Nguyễn Thanh T rủ chú ruột là Nguyễn Như Y đi lấy trộm tài sản của Ban Quản lý rừng phòng hộ Kiến Vàng (gọi tắt là Ban Quản lý), do ông Nguyễn Trường D – cán bộ Tiểu khu trực tiếp quản lý, sử dụng thì được Ý đồng ý. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, Tiền điều khiển vỏ composite hiệu Hữu Tâm dài 6,3m, máy nổ hiệu Honda 6.5HP của gia đình Tiền chở Ý đến khu vực ngã ba gần Tiểu khu 124 – 126 thuộc Ấp D, xã T, huyện N, tỉnh C thì Tiền tắt máy. Tiếp đó, Tiền bơi vỏ đến cặp vỏ composite hiệu Hữu Vui dài 5,9m, máy nổ hiệu Honda 6.5HP của Ban Quán lý rừng Kiến Vàng đang đậu ở mé sông có buộc dây mũi và dây lái. Tiền dùng tay tháo dây buộc phía sau lái rồi đi ra trước mũi vỏ tháo dây buộc vỏ của Ban quản lý buộc vào vỏ của Tiền, Tiền bơi vỏ ra khoảng 30m thì Ý giật máy chạy ra giữa sông Rạch Gốc rồi tắt máy để Tiền khiêng máy của Ban Quản lý qua vỏ của Tiền. Sau đó, Tiền dùng cán dằm có trên vỏ chọc thủng vào phần lườn vỏ khoảng 10 lỗ thủng làm vỏ composite của Ban Quản lý bị chìm, do cây dằm bị gãy nên Tiền vứt xuống sông. Cả hai điều khiển phương tiện chở máy vừa trộm được về nhà của ông Nguyễn Văn Thiện (ông

Thiện là cha ruột của Ý, là ông nội của Tiền) thuộc ấp D, xã T. Trên đường về cách nhà ông Thiện khoảng 100m thì máy chạy bị gãy sắt láp nên Tiền bơi vỏ về nhà ông Thiện, đến nơi Tiền và Ý đẩy vỏ máy vào trong vuông tôm của ông Thiện và khiêng máy của Ban Quản lý lên phía sau nhà ông Thiện. Sau đó, Tiền dùng chìa khoá tháo giàn cầu, sắt láp máy, đầu máy ra, giàn cầu và đầu máy Tiền đem giấu ở bụi cây phía sau nhà ông Thiện, còn sắt láp thì để ở sàn nhà của ông Thiện. Đến khoảng 07 giờ ngày 20/01/2024, Tiền điều khiển vỏ máy composite hiệu Trọng Sỹ 6,3m và máy Honda 20HP (của gia đình Tiền) chở 01 cây sắt láp tháo từ máy của Ban Quản lý về nhà của bị can ở ấp D, xã T cất giấu thì bị Công an mời làm việc và thu giữ tang vật có liên quan.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐ ngày 29/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện N kết luận:

- 01 máy nổ hiệu Honda 6.5Hp, giàn cầu inox, chân vịt 03 chia bằng thao; đầu máy có bình xăng màu trắng, chụp giật màu đỏ, mặt nạ màu đỏ, kẹt đăng và sắt láp bằng inox, loại máy nhông (đã qua sử dụng) có giá trị là 8.250.000 đồng.

- 01 vỏ composite hiệu Hữu Vui dài 5,9m (đã qua sử dụng) có giá trị 3.900.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 vỏ composite hiệu Trọng Sỹ dài 6,3m, be vỏ màu xanh dương, lường vỏ màu xanh lá cây (đã qua sử dung);

- 01 máy nổ hiệu Honda mặt nạ màu đỏ, bình xăng màu trắng giàn cầu bằng kim loại màu trắng (inox), số máy ZS POWER GB420R, 2004075A0036;

- 01 cây láp bừng kim loại màu trắng (inox) có 01 đầu được hàn gắn kẹt đăng máy bằng kim loại màu trắng (inox) tổng chiều dài 1,93m (loại láp máy 16) đã bị bẻ cong;

- 01 đầu máy nổ hiệu Honda, không có gắn dàn cầu, mặt nạ màu đỏ không bình xăng;

- 01 cây láp bằng kim loại màu trắng (inox) có kẹt đăng tổng chiều dài 1,9m (đã bị gãy đoạn chân vịt);

- 01 vỏ composite hiệu Hữu Tâm dài 6,3m, be vỏ màu xanh dương, lường vỏ màu xanh lá cây (đã qua sử dụng);

- 01 máy nổ hiệu 6.5Hp, có bình xăng màu trắng, mặt nạ màu đỏ, chụp giật màu đỏ, trong tình trạng bị ẩm ướt bởi nước mặn;

- 01 vỏ composite hiệu Hữu Vui dài 5,9m (đã qua sử dụng);

Tại Bản cáo trạng số 24/CT- VKS ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Như Y về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát thay đổi, bổ sung cáo trạng về phần tài sản bị trộm là của bị hại Ban Quản lý rừng phòng hộ Kiến Vàng, các phần khác của quyết định truy tố được giữ nguyên và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T từ 04 tháng tù đến 06 tháng tù tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Như Y từ 05 tháng tù đến 07 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình các bị cáo đã mua vỏ, máy khắc phục bồi thường cho bị hại, bị hại không yêu cầu nên đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình:

- Trả lại cho bà Trần Thị Đ các tài sản gồm: 01 vỏ composite hiệu Trọng Sỹ dài 6,3m, be vỏ màu xanh dương, lường vỏ màu xanh lá cây (đã qua sử dung); 01 máy nổ hiệu Honda mặt nạ màu đỏ, bình xăng màu trắng giàn cầu bằng kim loại màu trắng (inox), số máy ZS POWER GB420R, 2004075A0036; 01 đầu máy nổ hiệu Honda, không có gắn dàn cầu, mặt nạ màu đỏ không bình xăng; 01 cây láp bằng kim loại màu trắng (inox) có kẹt đăng tổng chiều dài 1,9m (đã bị gãy đoạn chân vịt); 01 vỏ composite hiệu Hữu Tâm dài 6,3m, be vỏ màu xanh dương, lường vỏ màu xanh lá cây (đã qua sử dụng);

- Trả lại cho Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến vàng: 01 cây láp bằng kim loại màu trắng (inox) có 01 đầu được hàn gắn kẹt đăng máy bằng kim loại màu trắng (inox) tổng chiều dài 1,93m (loại láp máy 16) đã bị bẻ cong và 01 máy nổ hiệu 6.5Hp, có bình xăng màu trắng, mặt nạ màu đỏ, chụp giật màu đỏ. Đối với 01 vỏ composite hiệu Hữu Vui dài 5,9m (đã qua sử dụng) là tài sản của Ban Quản lý rừng phòng hộ Kiến Vàng đã nhận lại nên không đặt ra xem xét.

Người bào chữa cho bị cáo T: Thống nhất tội danh đã truy tố, thống nhất các tình tiết giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với quy định tại Điều 91 Bộ Luật Hình sự về người phạm tội chưa thành niên xem xét mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo.

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo T: Xin nhận lại các vỏ composite và máy nổ là tài sản của gia đình.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị hại: Xin nhận lại đầu máy nổ là tài sản của Ban Quản lý rừng phòng hộ Kiến Vàng, xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Vào khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 19/01/2024, bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Như Y có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 máy nổ hiệu 6.5Hp (máy có bình xăng màu trắng, mặt nạ màu đỏ, chụp giật màu đỏ, có giàn cầu inox) và 01 vỏ composite hiệu Hữu Vui dài 5,9m (đã qua sử dụng) là tài sản của Ban Quản lý rừng phòng hộ Kiến Vàng, do ông Nguyễn Trường D cán bộ Tiểu khu trực tiếp quản lý, sử dụng tại Ấp D, xã T, huyện N, tỉnh C. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐ ngày 29/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện N kết luận tài sản chiếm đoạt có tổng giá trị là 12.150.000 đồng. Tại phiên tòa ngày hôm nay các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như bản Cáo trạng đã nêu và đồng ý về bản kết luận tài sản. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Như Y phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Như Y là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sử hữu hợp pháp về tài sản của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người khác không ai có quyền xâm phạm một cách trái pháp luật, nhưng chỉ vì mục đích trả thù cá nhân các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Hành vi của các bị cáo đã vi phạm pháp luật hình sự nên cần được xử lý. Các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, các bị cáo đủ năng

lực chịu trách nhiệm hình sự nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra.

[4] Xét về nhân thân: Các bị cáo không có tiền án, tiền sự; các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại; tại phiên toà hôm nay, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo T là người rủ rê bị cáo Y thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên khi phạm tội, bị cáo T là người chưa thành niên (16 tuổi 06 tháng 17 ngày). Khi quyết định hình phạt cho bị cáo Hội đồng xét xử đã có sự cân nhắc, đánh giá mức độ, tính chất của vụ án xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian. Do đó, đề nghị của Kiểm sát viên về hình phạt là tương xứng nên được chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và gia đình các bị cáo đã khắc phục bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị hại không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6] Về vật chứng thu giữ: Áp dụng điểm điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

- Trả lại cho bà Trần Thị Đ các tài sản thuộc sở hữu của bà Đẹp, đây là những phương tiện bị cáo dùng để đi trộm tài sản, bà Đ không biết gồm: 01 vỏ composite hiệu Trọng Sỹ dài 6,3m, be vỏ màu xanh dương, lường vỏ màu xanh lá cây (đã qua sử dung); 01 máy nổ hiệu Honda mặt nạ màu đỏ, bình xăng màu trắng giàn cầu bằng kim loại màu trắng (inox), số máy ZS POWER GB420R, 2004075A0036; 01 đầu máy nổ hiệu Honda, không có gắn dàn cầu, mặt nạ màu đỏ không bình xăng; 01 cây láp bằng kim loại màu trắng (inox) có kẹt đăng tổng chiều dài 1,9m (đã bị gãy đoạn chân vịt); 01 vỏ composite hiệu Hữu Tâm dài 6,3m, be vỏ màu xanh dương, lường vỏ màu xanh lá cây (đã qua sử dụng);

- Trả lại cho Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến Vàng tài sản thuộc sở hữu của Ban Quản lý gồm: 01 cây láp bằng kim loại màu trắng (inox) có 01 đầu được hàn gắn kẹt đăng máy bằng kim loại màu trắng (inox) tổng chiều dài 1,93m (loại láp máy 16) đã bị bẻ cong và 01 máy nổ hiệu 6.5Hp, có bình xăng màu trắng, mặt nạ màu đỏ, chụp giật màu đỏ; Đối với 01 vỏ composite hiệu Hữu Vui dài 5,9m (đã qua sử dụng) là tài sản của Ban Quản lý rừng phòng hộ Kiến Vàng đã nhận lại nên không đặt ra xem xét.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên, người bào chữa là phù hợp nên được chấp nhận.

[8] Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

[9] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Như Y phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 04 (bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án. Thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/01/2024 đến ngày 29/01/2024 được trừ vào thời hạn chấp hành án.

Áp dụng điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự; khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Như Y 04 (bốn) tháng 17 (mười bảy) ngày tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 21/01/2024. Do thời hạn phạt tù bằng với thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam nên trả tự do ngay tại phiên toà cho bị cáo Nguyễn Như Y.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình các bị cáo đã khắc phục bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị hại không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng:

- Trả lại cho bà Trần Thị Đ các tài sản gồm: 01 vỏ composite hiệu Trọng Sỹ dài 6,3m, be vỏ màu xanh dương, lường vỏ màu xanh lá cây (đã qua sử dung); 01 máy nổ hiệu Honda mặt nạ màu đỏ, bình xăng màu trắng giàn cầu bằng kim loại màu trắng (inox), số máy ZS POWER GB420R, 2004075A0036; 01 đầu máy nổ hiệu Honda, không có gắn dàn cầu, mặt nạ màu đỏ không bình xăng; 01 cây láp bằng kim loại màu trắng (inox) có kẹt đăng tổng chiều dài 1,9m (đã bị gãy đoạn chân vịt); 01 vỏ composite hiệu Hữu Tâm dài 6,3m, be vỏ màu xanh dương, lường vỏ màu xanh lá cây (đã qua sử dụng);

- Trả lại cho Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến Vàng tài sản gồm: 01 cây láp bằng kim loại màu trắng (inox) có 01 đầu được hàn gắn kẹt đăng máy bằng kim loại màu trắng (inox) tổng chiều dài 1,93m (loại láp máy 16) đã bị bẻ cong và 01 máy nổ hiệu 6.5Hp, có bình xăng màu trắng, mặt nạ màu đỏ, chụp giật màu đỏ,

trong tình trạng bị ẩm ướt bởi nước mặn; đối với 01 vỏ composite hiệu Hữu Vui dài 5,9m (đã qua sử dụng) là tài sản của Ban Quản lý rừng phòng hộ Kiến Vàng đã nhận lại nên không đặt ra xem xét.

(Hiện vật chứng đã được chuyển cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện N quản lý theo biên bản giao nhận ngày 09/4/2024).

Án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Như Y phải chịu 200.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án sơ thẩm bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh C;
- Sở Tư pháp tỉnh C;
- VKSND tỉnh C;
- VKSND huyện N;
- CQĐT huyện N;
- Cơ quan THAHS huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thị Dung